TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09/08/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị T và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Nết
2. Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2024, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 06 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989; có mặt

Địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1983; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Tranh, xã V, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Năm 2012, chị kết hôn với anh Hoàng Văn N. Hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi kết hôn, chị

và anh N có được tự nguyện tìm hiểu, không ai ép buộc. Chị và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về nhà anh N làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi Nu, xúc phạm Nu, không khí gia đình luôn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng chị gia đình hai bên có biết, động viên khuyên bảo nhưng không thành. Tháng 02/2017, chị đã về nhà mẹ đẻ chị ở. Tháng 02/2018 chị đón cả 02 con về ở cùng với chị và bố mẹ đẻ chị. Từ khi các con ở với chị, thỉnh thoảng anh N có gọi điện để hỏi thăm các con, nhưng từ tháng 08/2022, anh N không gọi điện và liên lạc gì với mẹ con chị nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn N sinh được 02 con chung là Hoàng Mạnh H, sinh ngày 17/01/2013 và Hoàng Mạnh X, sinh ngày 20/08/2014. Các con đang ở với chị, phát triển bình thường. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi các con. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân, thu nhập 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn N, nhưng anh N không đến trụ sở Tòa án làm việc, không cung cấp cho Tòa án bản tự khai hay tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Hoàng Thị T ly hôn với anh Hoàng Văn N. Về con chung, giao cho chị Hoàng Thị T nuôi cả 02 con; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

Chị Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung giữa chị với anh Hoàng Văn N. Đây là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T kết hôn với anh Hoàng Văn N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Lục Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

[3]. Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N sinh được 02 con chung là Hoàng Mạnh H, sinh ngày 17/01/2013 và Hoàng Mạnh X, sinh ngày 20/08/2014, đang ở với chị T, phát triển bình thường. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 con, các con đều có nguyện vọng được ở với chị T. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cả 02 con cho chị Hoàng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008142 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 21/03/2024.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T ly hôn với anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T tiếp tục nuôi 02 con là Hoàng Mạnh H, sinh ngày 17/01/2013 và Hoàng Mạnh X, sinh ngày 20/08/2014. Anh Hoàng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008142 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 21/03/2024.

4. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã V;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân